

NPE 1**Plot No. 1****Year: 2023-24**

Sr. No.	Name of Entry	Key	
		RI	RII
V-1	GSHH- 01/20	1	32
V-2	GSHH- 06/20	2	33
V-3	GSHH- 07/20	3	34
V-4	GSHH- 12/20	4	35
V-5	GSHH- 15/20	5	36
V-6	GSHH- 18/20	6	37
V-7	G.N.Cot.Hy.14 (CC)	7	38
V-8	G.N.Cot.Hy.18 (LC)	8	39
V-9	GShv -266	9	40
V-10	GShv -269	10	41
V-11	GShv -271	11	42
V-12	GShv -274	12	43
V-13	GShv -277	13	44
V-14	GISV-360	14	45
V-15	GISV-365	15	46
V-16	GISV-382	16	47
V-17	GISV-399	17	48
V-18	GISV-400	18	49
V-19	GISV-401	19	50
V-20	PET GISV-418	20	51
V-21	G.Cot.40(CC)	21	52
V-22	GShv-1/21	22	53
V-23	GShv-7/21	23	54
V-24	GShv-836/17	24	55
V-25	GShv-918/17	25	56
V-26	G.Cot.23 (CC)	26	57
V-27	G.N.Cot.25 (LC)	27	58
V-28	Suvin NBt (JS)	28	59
V-29	NDLH 1938 (JR)	29	60
V-30	Ajeet 155 BG II (BWR)	30	61
V-31	Suraj NBt (BWS)	31	62

LAYOUT

ROAD															5d.		92 d (41.40 m)	N
General											62	62	31	31	12d.			
											V31	V31	V31	V31				
ROAD															5d.			
61	60	59	58	57	56	55	54	53	52	51	50	49	48	47	12d.	RII		
V30	V29	V28	V27	V26	V25	V24	V23	V22	V21	V20	V19	V18	V17	V16				
ROAD															5d.			
32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	44	45	46	12d.			
V1	V2	V3	V4	V5	V6	V7	V8	V9	V10	V11	V12	V13	V14	V15				
ROAD															5d.	RI		
16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	12d.			
V16	V17	V18	V19	V20	V21	V22	V23	V24	V25	V26	V27	V28	V29	V30				
ROAD															5d.			
15	14	13	12	11	10	9	8	7	6	5	4	3	2	1	12d.			
V15	V14	V13	V12	V11	V10	V9	V8	V7	V6	V5	V4	V3	V2	V1				
1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	1R	7d	Road		

↔ 16 Rows (19.20 m) ↔